TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **68/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2023
V/v tranh chấp ”ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

Bà Đặng Thị Tiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trân Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà G, sinh năm 1989;
Địa chỉ: ấp G1, xã G2, huyện G3, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông K, sinh năm 1986;
Địa chỉ: ấp K1, xã K2, thị xã K3, tỉnh Tiền Giang.

(Bà G có đơn xin vắng mặt, ông K vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông K chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G1, huyện G2, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 26/7/2011. Sau khi kết hôn thì bà và ông K chung sống với nhau tại gia đình ông K khoảng 06 tháng tại ấp K1, xã K2, thị xã K3, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do lúc đó bà vừa sanh em bé được 06 tháng thì ông K kêu bà đi kéo cá với ông K nhưng bà không chịu đi thì ông K nói đòi giết bà nên bà ẫm con về nhà ba mẹ ruột ở đến nay. Từ lúc ẫm con về nhà ba mẹ ở đến nay

thì ông K không có liên lạc hỏi thăm và cũng không đến thăm con hay rước bà và con về. Vợ chồng bà đã ly thân từ đó cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: có 01 con chung tên Q, sinh ngày 07/8/2011. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông K vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, 35. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, phía bị đơn ông Lưu Tuấn Kiệt không đến tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa chấp hành nghiêm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G cho bà G được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Q, sinh ngày 07/8/2011 cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà K chưa có yêu cầu. Ông K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Giáo trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông K thì không có ý kiến gì về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

- Về nợ chung: Bà G trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông K thì không có ý kiến gì về nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về án phí: bà G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông K vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, nuôi con", bị đơn ông K có hộ khẩu thường trú tại ấp K1, xã K2, thị xã K3, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà G và ông K về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã G2, huyện G3, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 26/7/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do lúc đó bà vừa sanh em bé được 06 tháng thì ông K kêu bà đi kéo các với ông K nhưng bà không chịu đi thì ông K nói đòi giết bà nên bà ẫm con về nhà ba mẹ ruột ở đến nay. Từ lúc ẫm con về nhà ba mẹ ở đến nay thì ông K không có liên lạc hỏi thăm và cũng không đến thăm con hay rước bà và con về. Vợ chồng bà đã ly thân từ đó cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi bà G và ông K xác lập quan hệ vợ chồng thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn. Từ lúc ly thân khoảng cuối năm 2011 cho đến nay thì bà G và ông K không còn liên lạc với nhau. Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông K để thông báo về yêu cầu ly hôn của bà G, nhưng ông K không có ý kiến gì; không có mặt tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, ông K không thể hiện được ý kiến, cũng không đưa ra biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc ông K không đến trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án là ông K đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Mặc dù, Tòa án đã động viên nhưng bà G vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông K. Từ những tình tiết trên, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa bà G, ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Q, sinh ngày 07/8/2011. Khi ly hôn bà G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Xét, sau khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay thì ông K cũng không đến để trình bày ý kiến của ông về con chung nên coi như ông K đã từ bỏ quyền của mình đối với yêu cầu về nuôi dưỡng con chung. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu Q và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Q, nên giao cháu Q cho bà G chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà G không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà G trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông K thì không có ý kiến gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà G trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông K thì không có ý kiến gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí*:* Buộc bà G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà G được ly hôn với ông K.

2. Về con chung: Giao cháu Q, sinh ngày 07/8/2011 cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông K không phải cấp dưỡng nuôi con do bà G chưa có yêu cầu.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp theo biên lai thu số 0018529 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như bà G đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Thoa